

Họ, tên thí sinh:.....Số báo danh:.....

Câu 1: Cho điểm $A(1;1;1)$ và đường thẳng $(d): \begin{cases} x = 6 - 4t \\ y = -2 - t \\ z = -1 + 2t \end{cases}$. Hình chiếu của A trên (d) có tọa độ là:

- A. $(2; -3; 1)$ B. $(2; -3; -1)$ C. $(-2; -3; 1)$ D. $(2; 3; 1)$

Câu 2: Kết quả $I = \int (e^x + \frac{1}{x+1})dx$ là:

- A. $e^x - \frac{1}{(x+1)^2} + C$ B. $e^x + \ln(x+1) + C$ C. $e^x + \ln|x+1| + C$ D. $e^x - \ln|x+1| + C$

Câu 3: Tính tích phân: $I = \int_0^1 x\sqrt{1-x}dx$

- A. $I = \frac{8}{15}$ B. $I = \frac{2}{15}$ C. $I = \frac{4}{15}$ D. $I = \frac{6}{15}$

Câu 4: Cho $I = \int_1^2 2x\sqrt{x^2-1}dx$ và $u = x^2 - 1$. Chọn khẳng định **sai** trong các khẳng định sau:

- A. $I = \int_0^3 \sqrt{u}du$ B. $I = \int_1^2 \sqrt{u}du$ C. $I = \frac{2}{3}u^{\frac{3}{2}} \Big|_0^3$ D. $I = \frac{2}{3}\sqrt{27}$

Câu 5: Tính tích phân $I = \int_0^\pi x \sin x dx$

- A. $-\pi$ B. 0 C. -2 D. π

Câu 6: Trong không gian $Oxyz$, tìm tọa độ điểm M là giao điểm của đường thẳng $(d): \frac{x-1}{2} = \frac{y}{1} = \frac{z+2}{-3}$ và mặt phẳng $(P): 2x + y + z - 2 = 0$?

- A. $M(1;0;0)$ B. $M(2;1;-7)$ C. $M(4;3;5)$ D. $M(3;1;-5)$

Câu 7: Nguyên hàm của hàm số: $f(x) = \cos(5x-2)$ là:

- A. $5\sin(5x-2) + C$ B. $\frac{1}{5}\sin(5x+2) + C$ C. $\frac{1}{5}\sin(5x-2) + C$ D. $-5\sin(5x-2) + C$

Câu 8: Trong không gian, cho mặt cầu $(S): (x+2)^2 + (y-1)^2 + (z+3)^2 = 9$. Tìm tọa độ tâm I và bán kính R của mặt cầu (S) .

- A. $I(-2; 1; -3)$ và $R = 9$. B. $I(2; -1; 3)$ và $R = 3$.
C. $I(-2; 1; -3)$ và $R = 3$. D. $I(2; 1; 3)$ và

$R = 3$.

Câu 9: Vectơ chỉ phương của đường thẳng $d: \frac{x-2}{3} = \frac{y+1}{-1} = \frac{z-3}{2}$ là:

- A. $\vec{u} = (-3; 1; 2)$ B. $\vec{u} = (-3; 1; -2)$ C. $\vec{u} = (3; 1; -2)$ D. $\vec{u} = (3; 1; 2)$

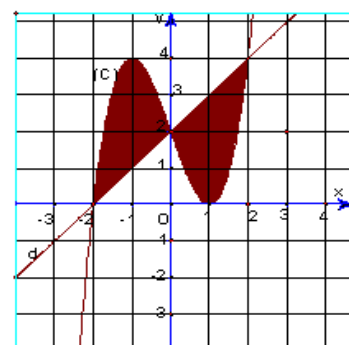
Câu 10: Cho hình vẽ, biết d là đường thẳng và đường cong (C) có phương trình $y = x^3 - 3x + 2$. Tính diện tích S của phần tô màu.

- A. $S = 8$. B. $S = 7$. C. $S = 6$. D. $S = 5$.

Câu 11: Tìm $I = \int \frac{2\ln x + 2}{x} dx$.

- A. $I = \ln^2 x + 2 + C$. B. $I = 2\ln^2 x + 2 + C$. C. $I = 2\ln^2 x + 2\ln x + C$ D. $I = \ln^2 x + 2\ln x + C$

Câu 12: Cho hàm số $y = f(x)$ liên tục trên $[a, b]$ ($a < b$) và có một nguyên hàm $F(x)$. Đẳng thức nào sau đây đúng?



A. $\int_a^b f(x)dx = F(a) - F(b).$
 C. $\int_a^b f(x)dx = F(b) + F(a).$

B. $\int_a^b f(x)dx = F(b) - F(a).$
 D. $\int_a^b f(x)dx = -F(b) - F(a).$

Câu 13: Cho $I = \int_0^1 x^5 \sqrt{1-x^2} dx$. Nếu đặt $\sqrt{1-x^2} = t$ thì I bằng :

A. $\int_0^1 t^2 (1-t^2)^2 dt$ B. $\int_0^1 t (1-t^2) dt$ C. $\int_1^0 (t^4 - t^2) dt$ D. $2. \int_0^1 t (1-t^2) dt$

Câu 14: Giải phương trình $z^3 = 1$?

A. $S = \left\{ -\frac{1}{2} + \frac{\sqrt{3}}{2}; -\frac{1}{2} - \frac{\sqrt{3}}{2} \right\}$ B. $S = \{1\}$
 C. $S = \left\{ 1; -\frac{1}{2} + \frac{\sqrt{3}}{2}; -\frac{1}{2} - \frac{\sqrt{3}}{2} \right\}$ D. $S = \left\{ 1; -\frac{1}{2} + \frac{\sqrt{3}}{2}i; -\frac{1}{2} - \frac{\sqrt{3}}{2}i \right\}$

Câu 15: Trong không gian Oxyz, cho ba điểm $M(3; -1; 2), N(4; -1; -1), P(2; 0; 2)$. Mặt phẳng (MNP) có phương trình là

A. $3x - 2y + z - 8 = 0$ B. $3x + 3y - z + 8 = 0$ C. $3x + 3y + z - 8 = 0$ D. $3x + 3y - z - 8 = 0$

Câu 16: Cho hình (H) giới hạn bởi (P) $y = x^2 - 4x + 3$ và trục Ox. Tính thể tích vật thể tròn xoay khi quay hình (H) quanh trục Ox.

A. $\frac{16}{15}$ B. $\frac{16}{15}\pi$ C. $\frac{15}{16}\pi$ D. $\frac{15}{16}\pi$

Câu 17: Cho vector $\vec{a} = (1; 2; 3), \vec{b} = (2; 5; 6)$. Tìm tọa độ vector $\vec{a} + \vec{b}$

A. $\vec{a} + \vec{b} = (3; -7; 9)$ B. $\vec{a} + \vec{b} = (3; 7; -9)$ C. $\vec{a} + \vec{b} = (3; 7; 9)$ D. $\vec{a} + \vec{b} = (-3; 7; 9)$

Câu 18: Tính diện tích hình phẳng giới hạn bởi các đồ thị hàm số $y = -3x^2 + 1$ và $y = x^2 - 3$

A. $-\frac{8}{3}$ B. $\frac{8}{3}$ C. $\frac{16}{3}$ D. $-\frac{16}{3}$

Câu 19: Cho số phức $z = 5 + 2i$. Tìm phần thực và phần ảo của số phức $\bar{z}$.

A. Phần thực bằng -5 và phần ảo bằng -2 . B. Phần thực bằng 5 và phần ảo bằng -2 .
 C. Phần thực bằng 5 và phần ảo bằng $-2i$. D. Phần thực bằng 5 và phần ảo bằng 2 .

Câu 20: Cho điểm $A(2; 1; 0)$ và đường thẳng $d_1: \begin{cases} x = 1 + 2t \\ y = -1 + t \\ z = -t \end{cases}$. Đường thẳng d_2 qua A, vuông góc với d_1 và cắt d_1 tại M. Khi đó

M có tọa độ là:

A. $\left(-\frac{7}{3}; -\frac{1}{3}; -\frac{2}{3} \right)$ B. $\left(\frac{7}{3}; -\frac{1}{3}; -\frac{2}{3} \right)$ C. $\left(\frac{7}{3}; -\frac{1}{3}; \frac{2}{3} \right)$ D. $\left(\frac{7}{3}; \frac{1}{3}; -\frac{2}{3} \right)$

Câu 21: Trong không gian với hệ trục tọa độ Oxyz, cho hai điểm $A(6; -3; 2), B(-2; -1; 4)$. Phương trình mặt cầu (S) đường kính AB.

A. $(S): (x-2)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 72$. B. $(S): (x-2)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 6\sqrt{2}$
 C. $(S): (x-2)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 18$ D. $(S): (x-2)^2 + (y+2)^2 + (z-3)^2 = 3\sqrt{2}$.

Câu 22: Tìm $I = \int (1+2x)^2 dx$.

A. $I = \frac{1}{6}(1+2x)^2 + C$. B. $I = \frac{1}{3}(1+2x)^3 + C$. C. $I = \frac{1}{6}(1+2x)^3 + C$. D. $I = \frac{1}{2}(1+2x)^3 + C$.

Câu 23: Biết $\int_1^2 (2x-1) \ln x dx = 2 \ln a - b$, trong đó a, b là các số hữu tỉ. Tính giá trị của biểu thức $S = a + b$.

A. 2. B. 3. C. 1,5. D. 2,5.

Câu 24: Tính $\int_{6\pi}^{2017\pi} \sin x dx$ bằng:

- A. -1 B. 0 C. 2 D. 1

Câu 25: Tính tích phân $I = \int_0^1 (x+2)e^x dx$.

- A. $I = 1 - 2e$ B. $I = 2e + 1$. C. $I = 2e - 1$. D. $I = e - 1$.

Câu 26: Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, vector $\vec{n} = (3; -1; 2)$ là vector pháp tuyến của mặt phẳng nào dưới đây?

- A. $(P_3): 3x - y + 2 = 0$. B. $(P_1): 3x - y + 2z + 1 = 0$. C. $(P_2): 3x - z + 2 = 0$. D. $(P_4): x - y - 2z = 0$.

Câu 27: Cho số phức $z_1 = 1 + 3i$ và $z_2 = 3 - 4i$. Tính môđun số phức $z_1 + z_2$.

- A. 4 B. 8 C. $\sqrt{17}$ D. $\sqrt{15}$

Câu 28: Cho $I = \int_0^2 (2x^2 - x - m)dx$ và $J = \int_0^1 (x^2 - 2mx)dx$. Tìm điều kiện tham số thực m để $I \leq J$.

- A. $m \geq 0$. B. $m \geq 3$. C. $m \geq 1$. D. $m \geq 2$.

Câu 29: Tính tích phân: $I = \int_{\frac{\pi}{4}}^{\frac{\pi}{2}} \frac{dx}{\sin^2 x}$

- A. 1 B. $\sqrt{3}$ C. -1 D. 0

Câu 30: Cho hàm số $f(x)$ là hàm số lẻ và liên tục trên $\mathbb{R}$. Khi đó $\int_{-a}^a f(x)dx$ ($a > 0$) bằng:

- A. 1 B. $2a$ C. a D. 0

Câu 31: Trong không gian Oxyz, cho hai điểm $M(4; -3; 2), N(-2; -1; 4)$. Phương trình mặt phẳng (P) đi qua hai điểm M, N và vuông góc với mặt phẳng $x + 2y + z - 3 = 0$.

- A. $(P): x + 4y + 7z - 30 = 0$. B. $(P): x - 4y + 7z - 30 = 0$.
C. $(P): x - 4y - 7z - 30 = 0$. D. $(P): x + 4y - 7z - 30 = 0$.

Câu 32: Tìm các số thực x, y sao cho $2x + 1 + (1 - 2y)i = 2 - x + (3y - 2)i$

- A. $x = -\frac{1}{3}; y = -\frac{3}{5}$ B. $x = \frac{1}{3}; y = -\frac{3}{5}$ C. $x = \frac{1}{3}; y = \frac{3}{5}$ D. $x = -\frac{1}{3}; y = \frac{3}{5}$

Câu 33: Tìm nguyên hàm của hàm số $f(x) = \frac{1}{x^2 + 5x - 6}$.

- A. $\int f(x)dx = -\frac{1}{7} \ln \left| \frac{x-1}{x+6} \right| + C$. B. $\int f(x)dx = \frac{1}{7} \ln \left| \frac{x+6}{x-1} \right| + C$.
C. $\int f(x)dx = \frac{1}{7} \ln \left| \frac{x+1}{x-6} \right| + C$ D. $\int f(x)dx = \frac{1}{7} \ln \left| \frac{x-1}{x+6} \right| + C$

Câu 34: Tìm điểm biểu diễn số phức z thỏa mãn $(3 + 2i)z = 5 - 14i$?

- A. $(1; -4)$ B. $(-1; -4)$ C. $(-1; 4)$ D. $(-1; -4)$

Câu 35: Biết: $I = \int_0^{\frac{\pi}{2}} \cos x \cdot f(\sin x) dx = 8$. Tính: $K = \int_0^{\frac{\pi}{2}} \sin x \cdot f(\cos x) dx$?

- A. 4 B. -8 C. 16 D. 8

Câu 36: Cho hình phẳng giới hạn bởi các đường $y = \sqrt{x}$ và $y = x$ quay quanh trục Ox . Thể tích khối tròn xoay tạo thành là.

- A. $V = \frac{\pi}{30}$. B. $V = \frac{\pi}{6}$. C. $V = \frac{5\pi}{6}$ D. $V = \frac{7\pi}{6}$.

Câu 37: Kết quả của $\int (4x^3 - 3x^2 + 1)dx$ là:

- A. $x^4 - x^3 + x + C$ B. $12x^4 - 6x^3 + x + C$ C. $x^4 - x^3 + C$ D. $12x^2 - 6x + C$

Câu 38: Trong không gian với hệ trục tọa độ Oxyz, cho điểm $I(-1; 3; 2)$ và mặt phẳng $(P): x + 2y + 3z - 4 = 0$. Phương trình mặt cầu (S) tâm I tiếp xúc với mặt phẳng (P) .

$$\text{A. } (S): (x+1)^2 + (y-3)^2 + (z-2)^2 = \frac{\sqrt{14}}{2}.$$

$$\text{B. } (S): (x+1)^2 + (y-3)^2 + (z-2)^2 = \frac{7}{2}.$$

$$\text{C. } (S): (x-1)^2 + (y+3)^2 + (z+2)^2 = \frac{7}{2}.$$

$$\text{D. } (S): (x-1)^2 + (y+3)^2 + (z+2)^2 = \frac{\sqrt{14}}{2}.$$

Câu 39: Tìm số thực a , biết rằng số phức $z = a + (a-1)i$ có $|z| = 1$?

$$\text{A. } \begin{cases} a = +1 \\ a = -1 \end{cases}$$

$$\text{B. } \begin{cases} a = +\frac{2}{3} \\ a = -\frac{2}{3} \end{cases}$$

$$\text{C. } \begin{cases} a = +\frac{1}{2} \\ a = -\frac{1}{2} \end{cases}$$

$$\text{D. } \begin{cases} a = 0 \\ a = 1 \end{cases}$$

Câu 40: Các số $1 + i\sqrt{3}$ và $1 - i\sqrt{3}$ là nghiệm của phương trình nào?

$$\text{A. } x^2 - 2x + 4 = 0$$

$$\text{B. } x^2 + 2x + 4 = 0$$

$$\text{C. } x^2 + 2x - 4 = 0$$

$$\text{D. } x^2 - 2x - 4 = 0$$

Câu 41: Nguyên hàm của hàm số: $f(x) = \frac{1}{3x+1}$ là:

$$\text{A. } \frac{1}{2} \ln|3x+1| + C$$

$$\text{B. } \ln|3x+1| + C$$

$$\text{C. } \frac{1}{3} \ln(3x+1) + C$$

$$\text{D. } \frac{1}{3} \ln|3x+1| + C$$

Câu 42: Biết rằng M là điểm biểu diễn của số phức $1 - i$ và N là điểm biểu diễn của số phức $3 + 2i$. Khi đó, trọng tâm G của tam giác OMN biểu diễn số phức nào sau đây?

$$\text{A. } \frac{4}{3} + \frac{1}{3}i$$

$$\text{B. } \frac{5}{3} - i$$

$$\text{C. } 4 + i$$

$$\text{D. } 2 + \frac{1}{2}i$$

Câu 43: Tính tích phân $I = \int_0^{\frac{\pi}{2}} \frac{\cos x}{\sin x + 1} dx$.

$$\text{A. } I = \ln 2.$$

$$\text{B. } I = \ln 2 + 1.$$

$$\text{C. } I = \frac{1}{2} \ln 2$$

$$\text{D. } I = \ln 2 - 1.$$

Câu 44: Trong mặt phẳng Oxy, tập hợp điểm biểu diễn số phức z thỏa mãn $|2 - i + z| = 3$.

A. Là đường tròn tâm $I(2; -1)$ bán kính $R = 9$.

B. Là đường tròn tâm $I(2; -1)$ bán kính $R = 3$.

C. Là đường tròn tâm $I(-2; 1)$ bán kính $R = 3$.

D. Là đường tròn tâm $I(-2; 1)$ bán kính $R = 9$.

Câu 45: Trong không gian Oxyz, xét vị trí tương đối của hai đường thẳng $(d_1): \begin{cases} x = +1 + 2t \\ y = -2 - 3t \\ z = +5 + 4t \end{cases}$ và $(d_2): \begin{cases} x = -2 + 3m \\ y = -6 + 2m \\ z = +7 - 2m \end{cases}$?

A. Cắt nhau

B. Chéo nhau

C. Song song

D. Trùng nhau

Câu 46: Trong không gian Oxyz, cho $A(-2; 1; 0)$, $B(4; 1; -2)$ và $C(0; 7; 3)$. Tìm giá trị của $\cos(\widehat{AB; BC})$?

$$\text{A. } -\frac{17}{\sqrt{770}}$$

$$\text{B. } \frac{14\sqrt{118}}{355}$$

$$\text{C. } \frac{14\sqrt{2}}{117}$$

$$\text{D. } \frac{14\sqrt{117}}{355}$$

Câu 47: Trong không gian Oxyz, tìm mặt phẳng cách đều các đường thẳng $(d_1): \begin{cases} x = 2 + t \\ y = 1 - t \\ z = 2t \end{cases}$ và $(d_2): \begin{cases} x = 2 - 2t \\ y = 3 \\ z = t \end{cases}$?

$$\text{A. } x - 5y + 2z + 12 = 0$$

$$\text{B. } x - 5y + 2z - 12 = 0$$

$$\text{C. } x + 5y + 2z + 12 = 0$$

$$\text{D. } x + 5y + 2z - 12 = 0$$

Câu 48: Cho hai số phức z_1, z_2 thỏa $|z_1| = |z_2| = 1$, $|z_1 + z_2| = \sqrt{3}$. Khi đó $|z_1 - z_2|$ bằng:

$$\text{A. } 2$$

$$\text{B. } 4$$

$$\text{C. } 5$$

$$\text{D. } 1$$

Câu 49: Tính tích phân: $I = \int_{\frac{1}{e}}^e \frac{dx}{x}$

$$\text{A. } 2$$

$$\text{B. } 0$$

$$\text{C. } -2$$

$$\text{D. } 1$$

Câu 50: Trong không gian Oxyz, cho mặt phẳng $(P): x - y + 3z - 2 = 0$. Véc tơ nào dưới đây là một véc tơ pháp tuyến của mặt phẳng (P) ?

$$\text{A. } \vec{n}_1(1; 1; 3).$$

$$\text{B. } \vec{n}_2(1; -1; 3).$$

$$\text{C. } \vec{n}_3(1; -1; -3).$$

$$\text{D. } \vec{n}_4(-1; -1; 3).$$

----- HẾT -----

mamon	made	cauhoi	dapan
TOAN 12 THI HKII	132	1	A
TOAN 12 THI HKII	132	2	C
TOAN 12 THI HKII	132	3	C
TOAN 12 THI HKII	132	4	A
TOAN 12 THI HKII	132	5	D
TOAN 12 THI HKII	132	6	D
TOAN 12 THI HKII	132	7	C
TOAN 12 THI HKII	132	8	C
TOAN 12 THI HKII	132	9	B
TOAN 12 THI HKII	132	10	A
TOAN 12 THI HKII	132	11	D
TOAN 12 THI HKII	132	12	B
TOAN 12 THI HKII	132	13	A
TOAN 12 THI HKII	132	14	D
TOAN 12 THI HKII	132	15	C
TOAN 12 THI HKII	132	16	B
TOAN 12 THI HKII	132	17	C
TOAN 12 THI HKII	132	18	C
TOAN 12 THI HKII	132	19	B
TOAN 12 THI HKII	132	20	B
TOAN 12 THI HKII	132	21	C
TOAN 12 THI HKII	132	22	C
TOAN 12 THI HKII	132	23	D
TOAN 12 THI HKII	132	24	C
TOAN 12 THI HKII	132	25	C
TOAN 12 THI HKII	132	26	B
TOAN 12 THI HKII	132	27	C
TOAN 12 THI HKII	132	28	B
TOAN 12 THI HKII	132	29	A
TOAN 12 THI HKII	132	30	D
TOAN 12 THI HKII	132	31	B
TOAN 12 THI HKII	132	32	C
TOAN 12 THI HKII	132	33	D
TOAN 12 THI HKII	132	34	B
TOAN 12 THI HKII	132	35	D
TOAN 12 THI HKII	132	36	B
TOAN 12 THI HKII	132	37	A
TOAN 12 THI HKII	132	38	B
TOAN 12 THI HKII	132	39	D
TOAN 12 THI HKII	132	40	A
TOAN 12 THI HKII	132	41	D
TOAN 12 THI HKII	132	42	A
TOAN 12 THI HKII	132	43	A
TOAN 12 THI HKII	132	44	C
TOAN 12 THI HKII	132	45	A
TOAN 12 THI HKII	132	46	A

TOAN 12 THI HKII	132	47	D
TOAN 12 THI HKII	132	48	D
TOAN 12 THI HKII	132	49	A
TOAN 12 THI HKII	132	50	B
TOAN 12 THI HKII	209	1	D
TOAN 12 THI HKII	209	2	A
TOAN 12 THI HKII	209	3	A
TOAN 12 THI HKII	209	4	D
TOAN 12 THI HKII	209	5	B
TOAN 12 THI HKII	209	6	B
TOAN 12 THI HKII	209	7	D
TOAN 12 THI HKII	209	8	B
TOAN 12 THI HKII	209	9	A
TOAN 12 THI HKII	209	10	C
TOAN 12 THI HKII	209	11	D
TOAN 12 THI HKII	209	12	B
TOAN 12 THI HKII	209	13	A
TOAN 12 THI HKII	209	14	A
TOAN 12 THI HKII	209	15	D
TOAN 12 THI HKII	209	16	C
TOAN 12 THI HKII	209	17	B
TOAN 12 THI HKII	209	18	B
TOAN 12 THI HKII	209	19	B
TOAN 12 THI HKII	209	20	C
TOAN 12 THI HKII	209	21	D
TOAN 12 THI HKII	209	22	C
TOAN 12 THI HKII	209	23	C
TOAN 12 THI HKII	209	24	D
TOAN 12 THI HKII	209	25	C
TOAN 12 THI HKII	209	26	C
TOAN 12 THI HKII	209	27	D
TOAN 12 THI HKII	209	28	D
TOAN 12 THI HKII	209	29	B
TOAN 12 THI HKII	209	30	A
TOAN 12 THI HKII	209	31	C
TOAN 12 THI HKII	209	32	B
TOAN 12 THI HKII	209	33	A
TOAN 12 THI HKII	209	34	A
TOAN 12 THI HKII	209	35	B
TOAN 12 THI HKII	209	36	A
TOAN 12 THI HKII	209	37	D
TOAN 12 THI HKII	209	38	D
TOAN 12 THI HKII	209	39	D
TOAN 12 THI HKII	209	40	C
TOAN 12 THI HKII	209	41	A
TOAN 12 THI HKII	209	42	C
TOAN 12 THI HKII	209	43	C

TOAN 12 THI HKII	209	44	B
TOAN 12 THI HKII	209	45	A
TOAN 12 THI HKII	209	46	D
TOAN 12 THI HKII	209	47	C
TOAN 12 THI HKII	209	48	A
TOAN 12 THI HKII	209	49	A
TOAN 12 THI HKII	209	50	B
TOAN 12 THI HKII	357	1	A
TOAN 12 THI HKII	357	2	D
TOAN 12 THI HKII	357	3	A
TOAN 12 THI HKII	357	4	C
TOAN 12 THI HKII	357	5	D
TOAN 12 THI HKII	357	6	D
TOAN 12 THI HKII	357	7	A
TOAN 12 THI HKII	357	8	B
TOAN 12 THI HKII	357	9	A
TOAN 12 THI HKII	357	10	C
TOAN 12 THI HKII	357	11	B
TOAN 12 THI HKII	357	12	A
TOAN 12 THI HKII	357	13	D
TOAN 12 THI HKII	357	14	D
TOAN 12 THI HKII	357	15	B
TOAN 12 THI HKII	357	16	D
TOAN 12 THI HKII	357	17	B
TOAN 12 THI HKII	357	18	A
TOAN 12 THI HKII	357	19	C
TOAN 12 THI HKII	357	20	B
TOAN 12 THI HKII	357	21	D
TOAN 12 THI HKII	357	22	A
TOAN 12 THI HKII	357	23	D
TOAN 12 THI HKII	357	24	C
TOAN 12 THI HKII	357	25	D
TOAN 12 THI HKII	357	26	A
TOAN 12 THI HKII	357	27	D
TOAN 12 THI HKII	357	28	D
TOAN 12 THI HKII	357	29	D
TOAN 12 THI HKII	357	30	C
TOAN 12 THI HKII	357	31	C
TOAN 12 THI HKII	357	32	B
TOAN 12 THI HKII	357	33	A
TOAN 12 THI HKII	357	34	B
TOAN 12 THI HKII	357	35	B
TOAN 12 THI HKII	357	36	B
TOAN 12 THI HKII	357	37	A
TOAN 12 THI HKII	357	38	D
TOAN 12 THI HKII	357	39	C
TOAN 12 THI HKII	357	40	C

TOAN 12 THI HKII	357	41	C
TOAN 12 THI HKII	357	42	C
TOAN 12 THI HKII	357	43	B
TOAN 12 THI HKII	357	44	B
TOAN 12 THI HKII	357	45	A
TOAN 12 THI HKII	357	46	C
TOAN 12 THI HKII	357	47	C
TOAN 12 THI HKII	357	48	B
TOAN 12 THI HKII	357	49	D
TOAN 12 THI HKII	357	50	A
TOAN 12 THI HKII	485	1	B
TOAN 12 THI HKII	485	2	D
TOAN 12 THI HKII	485	3	B
TOAN 12 THI HKII	485	4	C
TOAN 12 THI HKII	485	5	C
TOAN 12 THI HKII	485	6	B
TOAN 12 THI HKII	485	7	C
TOAN 12 THI HKII	485	8	D
TOAN 12 THI HKII	485	9	B
TOAN 12 THI HKII	485	10	A
TOAN 12 THI HKII	485	11	C
TOAN 12 THI HKII	485	12	A
TOAN 12 THI HKII	485	13	C
TOAN 12 THI HKII	485	14	B
TOAN 12 THI HKII	485	15	D
TOAN 12 THI HKII	485	16	B
TOAN 12 THI HKII	485	17	D
TOAN 12 THI HKII	485	18	C
TOAN 12 THI HKII	485	19	C
TOAN 12 THI HKII	485	20	D
TOAN 12 THI HKII	485	21	A
TOAN 12 THI HKII	485	22	B
TOAN 12 THI HKII	485	23	D
TOAN 12 THI HKII	485	24	D
TOAN 12 THI HKII	485	25	D
TOAN 12 THI HKII	485	26	A
TOAN 12 THI HKII	485	27	D
TOAN 12 THI HKII	485	28	D
TOAN 12 THI HKII	485	29	C
TOAN 12 THI HKII	485	30	A
TOAN 12 THI HKII	485	31	B
TOAN 12 THI HKII	485	32	A
TOAN 12 THI HKII	485	33	A
TOAN 12 THI HKII	485	34	C
TOAN 12 THI HKII	485	35	A
TOAN 12 THI HKII	485	36	C
TOAN 12 THI HKII	485	37	D

TOAN 12 THI HKII	485	38	D
TOAN 12 THI HKII	485	39	A
TOAN 12 THI HKII	485	40	C
TOAN 12 THI HKII	485	41	A
TOAN 12 THI HKII	485	42	B
TOAN 12 THI HKII	485	43	B
TOAN 12 THI HKII	485	44	B
TOAN 12 THI HKII	485	45	C
TOAN 12 THI HKII	485	46	B
TOAN 12 THI HKII	485	47	D
TOAN 12 THI HKII	485	48	A
TOAN 12 THI HKII	485	49	D
TOAN 12 THI HKII	485	50	A